



UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH

DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUY ĐỊNH MỨC CHI ĐÓN TIẾP, THĂM HỎI, CHÚC MỪNG ĐỐI VỚI MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG DO ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM CẤP TỈNH, CẤP XÃ THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Căn cứ pháp lý - Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, sửa đổi năm 2019. - Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, sửa đổi năm 2020; các Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, 154/2020/NĐ-CP, 59/2024/NĐ-CP. - Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP. - Quyết định số 04/2024/QĐ-TTg.	Căn cứ pháp lý - Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15. - Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, sửa đổi bởi Luật số 87/2025/QH15. - Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; Nghị định số 73/2026/NĐ-CP. - Luật MTTQ Việt Nam số 75/2015/QH13, sửa đổi bởi Luật số 97/2025/QH15. - Quyết định số 04/2024/QĐ-TTg.	Cập nhật căn cứ về tổ chức chính quyền địa phương, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và ngân sách; bổ sung căn cứ về MTTQ Việt Nam; giữ nguyên Quyết định số 04/2024/QĐ-TTg.
Tên nghị quyết và địa bàn áp dụng Quy định mức chi do Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp thực hiện trên địa bàn tỉnh Phú Yên.	Tên nghị quyết và địa bàn áp dụng Quy định mức chi do Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã thực hiện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.	Sửa đổi tên địa phương và cấp thực hiện; xác định rõ phạm vi của dự thảo theo mô hình hai cấp.

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Phạm vi điều chỉnh Khoản 1 Điều 1 Áp dụng tại cấp tỉnh; huyện, thị xã, thành phố; xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Phú Yên.	Phạm vi điều chỉnh Khoản 1 Điều 1 Áp dụng tại cấp tỉnh và các xã, phường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.	Bỏ cấp huyện và tên đơn vị hành chính không còn được nêu trong dự thảo.
Đối tượng áp dụng Khoản 2 Điều 1 Thực hiện theo Điều 2 Quyết định số 04/2024/QĐ-TTg ngày 22/3/2024.	Đối tượng áp dụng Khoản 2 Điều 1 Các đoàn đại biểu, cá nhân quy định tại Điều 2 Quyết định số 04/2024/QĐ-TTg ngày 22/3/2024.	Kế thừa đối tượng áp dụng theo Điều 2 Quyết định số 04/2024/QĐ-TTg; diễn đạt rõ là các đoàn đại biểu, cá nhân.
Chi đón tiếp Khoản 1 Điều 2 Thực hiện theo Thông tư số 71/2018/TT-BTC và Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND của tỉnh Phú Yên; áp dụng cho MTTQ các cấp.	Chi đón tiếp Khoản 1 Điều 2 Thực hiện theo Thông tư số 35/2026/TT-BTC ngày 31/3/2026 và Nghị quyết của HĐND tỉnh Đắk Lắk về chế độ chi tiếp khách trong nước đang có hiệu lực thi hành; áp dụng cho MTTQ cấp tỉnh, cấp xã.	Thay dẫn chiếu Thông tư số 71/2018/TT-BTC bằng Thông tư số 35/2026/TT-BTC; thay dẫn chiếu cụ thể Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND của tỉnh Phú Yên bằng nghị quyết về tiếp khách trong nước đang có hiệu lực của tỉnh Đắk Lắk; điều chỉnh cấp thực hiện.

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Mức chi tặng quà chúc mừng, thăm hỏi, phúng viếng Khoản 2 Điều 2 Áp dụng đối với cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định số 04/2024/QĐ-TTg. 1. Tặng quà nhân Tết Nguyên đán, ngày lễ hoặc ngày lễ trọng (điểm a) - Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/người/lần; không quá 3.000.000 đồng/người/năm. - Cấp huyện: 800.000 đồng/người/lần; không quá 2.400.000 đồng/người/năm. - Cấp xã: 500.000 đồng/người/lần; không quá 1.500.000 đồng/người/năm. 2. Thăm hỏi khi ốm đau hoặc gặp khó khăn về kinh tế (điểm b) - Cấp tỉnh: 4.000.000 đồng/người/năm. - Cấp huyện: 3.000.000 đồng/người/năm. - Cấp xã: 2.000.000 đồng/người/năm. 3. Phúng viếng khi cá nhân qua đời, bao gồm cả vòng hoa (điểm c) - Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/người. - Cấp huyện: 2.500.000 đồng/người. - Cấp xã: 2.000.000 đồng/người.	Mức chi tặng quà chúc mừng, thăm hỏi, phúng viếng Khoản 2, 3, 4 Điều 2 Áp dụng đối với cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định số 04/2024/QĐ-TTg. 1. Tặng quà nhân Tết Nguyên đán, ngày lễ hoặc ngày lễ trọng (khoản 2) - Cấp tỉnh: tối đa 1.000.000 đồng/người/lần; tổng mức chi không quá 3.000.000 đồng/người/năm. - Cấp xã: tối đa 500.000 đồng/người/lần; tổng mức chi không quá 1.500.000 đồng/người/năm. 2. Thăm hỏi khi ốm đau hoặc gặp khó khăn về kinh tế (khoản 3) - Cấp tỉnh: tối đa 4.000.000 đồng/người/năm. - Cấp xã: tối đa 2.000.000 đồng/người/năm. 3. Phúng viếng khi cá nhân qua đời, bao gồm cả vòng hoa (khoản 4) - Cấp tỉnh: tối đa 3.000.000 đồng/người. - Cấp xã: tối đa 2.000.000 đồng/người.	Kế thừa mức chi cấp tỉnh và cấp xã đối với cả ba nội dung; giữ nguyên hạn mức tặng quà theo năm, mức thăm hỏi theo năm và nội dung phúng viếng bao gồm cả vòng hoa. Bỏ toàn bộ mức chi cấp huyện; không chuyển mức chi cấp huyện sang cấp xã. Bổ sung từ “tối đa” đối với các mức chi; mức quà chúc mừng vẫn chịu hạn mức tổng chi trong năm. Giữ nguyên đối tượng và các dịp, trường hợp chi. Ngày lễ trọng vẫn được xác định là ngày lễ kỷ niệm trọng thể nhất của từng dân tộc. Tách các điểm a, b, c khoản 2 Điều 2 của nghị quyết cũ thành các khoản 2, 3, 4 Điều 2. Dự thảo mới không chia mức chi từng cấp thành điểm a, b.

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Xác định danh sách, dịp và trường hợp chi Đoạn cuối khoản 2 Điều 2 Hàng năm, MTTQ các cấp phối hợp cơ quan liên quan quyết định danh sách cá nhân, các ngày lễ, lễ trọng, trường hợp ốm đau, khó khăn theo chức năng, nhiệm vụ.	Xác định danh sách, dịp và trường hợp chi Khoản 2 Điều 4 MTTQ cấp tỉnh, cấp xã phối hợp với cơ quan có liên quan quyết định danh sách cá nhân; các ngày lễ, ngày lễ trọng; các trường hợp ốm đau, khó khăn về kinh tế thuộc phạm vi thực hiện của cấp mình theo khoản 2 Điều 5 Quyết định số 04/2024/QĐ-TTg và chức năng, nhiệm vụ tại Luật MTTQ Việt Nam.	Chuyển từ đoạn cuối khoản 2 Điều 2 sang khoản 2 Điều 4 về tổ chức thực hiện; điều chỉnh cấp thực hiện và bổ sung dẫn chiếu khoản 2 Điều 5 Quyết định số 04/2024/QĐ-TTg. Không còn cụm “Hàng năm”.
Nguồn kinh phí Điều 3 Ngân sách địa phương bảo đảm theo phân cấp; bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của MTTQ các cấp.	Nguồn kinh phí Khoản 1 Điều 3 Kế thừa nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp; bố trí trong dự toán chi thường xuyên của MTTQ cấp tỉnh, cấp xã.	Giữ nguyên nguyên tắc về nguồn; bỏ chủ thể cấp huyện.
Lập và quản lý dự toán Điều 3 không quy định riêng trình tự lập, phân bổ, giao dự toán, thanh toán, quyết toán.	Lập và quản lý dự toán Khoản 2 Điều 3 Bổ sung việc lập, phân bổ, giao dự toán, quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán theo Luật Ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn; phù hợp nhiệm vụ và khả năng cân đối từng cấp.	Làm rõ yêu cầu quản lý toàn bộ quá trình sử dụng kinh phí.
Trách nhiệm UBND tỉnh Khoản 1 Điều 4 UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện đúng quy định pháp luật.	Trách nhiệm UBND tỉnh Khoản 1 Điều 4 Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết và báo cáo HĐND tỉnh tại các kỳ họp.	Kế thừa trách nhiệm tổ chức triển khai; bổ sung trách nhiệm báo cáo HĐND tỉnh tại các kỳ họp.

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Giám sát Khoản 2 Điều 4 Thường trực HĐND, các Ban và đại biểu HĐND tỉnh giám sát theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.	Giám sát Khoản 3 Điều 4 Thường trực HĐND, các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh giám sát thực hiện.	Kế thừa cơ chế giám sát; bổ sung Tổ đại biểu HĐND tỉnh.
Hiệu lực và văn bản được thay thế Điều 5 Thay Nghị quyết số 108/2014/NQ-HĐND và số 21/2023/NQ-HĐND; thông qua ngày 06/12/2024, có hiệu lực từ 16/12/2024.	Hiệu lực và văn bản được thay thế Khoản 1, 2 Điều 5 Thay Nghị quyết số 14/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của tỉnh Phú Yên; ngày có hiệu lực, ngày thông qua năm 2026 để trống.	Xác định văn bản được thay thế trực tiếp là Nghị quyết số 14/2024/NQ-HĐND; không lặp lại việc thay thế hai văn bản cũ hơn.
Văn bản viện dẫn thay đổi Khoản 2 Điều 5 Văn bản viện dẫn được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.	Văn bản viện dẫn thay đổi Điều 5, khoản đang được đánh số 5 trong dự thảo Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.	Kế thừa nội dung